

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2014

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**
- Nghe An Bus Station Joint - Stock Company
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 2703000379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 07 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 31.532.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 31.532.000.000 VND
- Địa chỉ: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: (038) 38 35 182 Fax: (038) 38 35 183
- Website: <http://www.benxenghean.com.vn>
- Mã cổ phiếu: “NBS”

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An tiền thân là Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An, được thành lập ngày 29 tháng 05 năm 1995, là đơn vị trực thuộc Sở giao thông vận tải Nghệ An, hoạt động theo mô hình là đơn vị kinh tế sự nghiệp có thu.

- Tháng 4/1997: đơn vị được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, với số vốn được xác định là 2.163.000.000 VND.

- Tháng 7/2004: thực hiện chủ trương của Nhà nước về cổ phần hóa, đơn vị đã chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07/07/2004 của UBND tỉnh Nghệ An, với số vốn điều lệ ban đầu là 8.359.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm 59.1%, người lao động trong Công ty chiếm 40.9%.

- Tháng 11/2008: Công ty tăng vốn điều lệ lên 13.000.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm giữ 48.98%, các cổ đông khác nắm giữ 51.02%.

- Tháng 4/2009: Công ty tăng vốn điều lệ lên 16.000.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm giữ 39.79%, cổ đông chiến lược nắm giữ 18.75%, các cổ đông khác nắm giữ 41.46%.

- Tháng 5/2009: Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được UBCK Nhà nước công nhận là Công ty đại chúng.

- Tháng 9/2011: Công ty tăng vốn điều lệ lên 31.532.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm giữ 40.39%, cổ đông chiến lược nắm giữ 15.86%, các cổ đông khác nắm giữ 43.75%.

- Tháng 11/2012: được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đưa cổ phiếu “NBS” giao dịch Upcom tại HNX.

- Tháng 11/2014: Công ty cổ phần hóa 100%, trong đó cổ đông tổ chức nắm giữ 26,08%, cổ đông cá nhân nắm giữ 73,92%.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

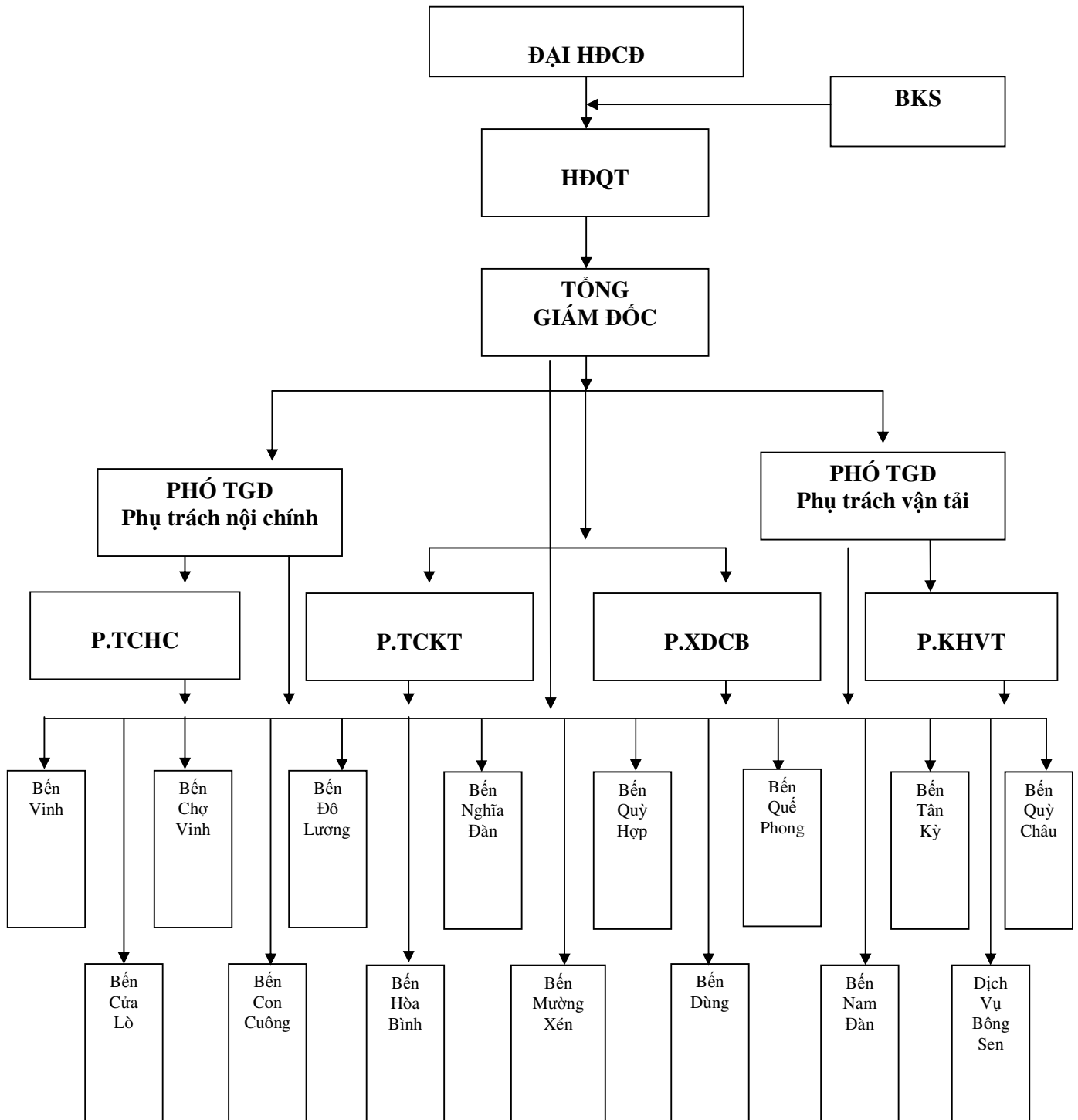
Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm các lĩnh vực sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 6) là: 31.532.000 đồng (Ba mươi một tỷ, năm trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lấy ngành nghề truyền thống là đầu tư, quản lí và khai thác kinh doanh dịch vụ bến bãi làm tiền đề chủ đạo để mở rộng và phát triển đa ngành nghề, đa lĩnh vực. Trở thành một trong những doanh nghiệp lớn mạnh tại địa bàn Nghệ An .

- Đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác 2 dự án bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh giai đoạn 2012 – 2016.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành nghề cốt lõi bình quân từ 5% – 8%/năm và lợi nhuận từ 10% – 12%/năm trong giai đoạn 2012 - 2015.

- Mở rộng ngành nghề kinh doanh mới, đồng thời khai thác có hiệu quả những lợi thế về các khu đất mà Công ty hiện có.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trở thành một Doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng bến bãi và bất động sản tại địa bàn Nghệ An trong vòng 5 – 10 năm tới.

- Giảm tỷ trọng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh Bến xe, tăng tỷ trọng doanh thu các ngành nghề mới giai đoạn 2010 – 2020.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì được tốc độ tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận.

- Cơ cấu lao động tương đối ổn định, tạo công ăn việc làm cho CB CNV đầy đủ, thu nhập của người lao động năm sau luôn cao hơn năm trước, môi trường làm việc ngày càng được cải thiện tốt, chính sách phúc lợi được nâng cao.

- Tăng cường tốt công tác kiểm soát nội bộ tại các bến xe cũng như toàn Công ty.

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lí đạt hiệu quả cao, vận hành hệ thống camera giám sát nhằm kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động tại các bến xe, đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ doanh thu.

- Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan chức năng, các cơ quan truyền thông (báo chí, truyền hình Trung ương và địa phương), các doanh nghiệp vận tải, các bến xe tỉnh bạn để phối hợp chặt chẽ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn giao thông. Đặc biệt trong năm 2014 đã phối hợp tốt với cơ quan truyền thông, các lực lượng chức năng dẫn xóa bỏ và kiểm soát xe chạy ngoài.

- Thực hiện cơ bản tốt và kịp thời việc triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT về chiến lược đầu tư dài hạn.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Trần Minh Thành – Tổng giám đốc

Số CMND : 182376064, CA Nghệ An cấp ngày 29/10/2011

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 02/06/1981; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : P908 chung cư Tân Thịnh, phường Vinh Tân, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12;

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính doanh nghiệp và kiểm soát quản trị - ĐH Nam Toulonvar, Pháp

Quá trình công tác:

2004 - 2006: Cán bộ Phòng TC-KT Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai

2006 - 2007: Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Chi nhánh Nghệ An

2007 - 08/06/2012: Ủy viên HĐQT; Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

9/2011 - 08/06/2012: Ủy viên HĐQT; Kế toán trưởng

10/06/2012 - 22/06/2013: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

22/6/2013 - nay : Ủy viên HĐQT; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An

➤ Chức vụ hiện nay tại Công ty : Tổng giám đốc

➤ Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 83.900 cổ phần

➤ Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.1.2 Ông Võ Xuân Thanh – Phó Tổng giám đốc

Số CMND : 181426040, CA Nghệ An cấp ngày 10/12/1992.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/07/1966; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối Tân Tiến, phường Hưng Dũng, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10;

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải ô tô

Quá trình công tác:

1993 - 1996 : Cán bộ kế hoạch vận tải Công ty liên doanh Austinh Hà Tĩnh

1996 – 1998 : Cán bộ BQL Bến xe Chợ Vinh – Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An

1998 – 2003 : Phó trưởng bến xe Vinh – Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An

4/2003 – 7/2004 : Trưởng Bến xe Cửa Lò – Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An
 8/2004 – 11/2005 : Trưởng Bến xe Vinh - Công ty CP Bến xe Nghệ An
 11/2005 – 11/2007 : Phó GD kiêm trưởng Bến xe Vinh – Công ty CP Bến xe Nghệ An
 12/2007 – nay : UV HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : UV HĐQT, Phó tổng giám đốc
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 129.300 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

2.1.3 Ông Nguyễn Hồng Lĩnh – Phó Tổng giám đốc

Số CMND : 181821851, CA Nghệ Tĩnh cấp ngày 01/01/1988.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 12/10/1960; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 10, phường Cửa Nam, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10;

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

1978 - 1984 : Bộ đội

1984 - 1987 : Đội trưởng Đội chiếu bóng 384 Nghệ Tĩnh

1987 - 1988 : Công tác tại Công ty quản lí đường sông Nghệ Tĩnh

11/1988 - 12/1994 : Công tác tại Công ty công trình thủy Nghệ An

01/1996 - 07/2004 : Trưởng phòng TCHC – Công ty QL&SC cầu đường bộ Nghệ An

07/2004 - 10/2007 : TP.TCHC, Chủ tịch công đoàn - Công ty CP Bến xe Nghệ An

11/2007 - 08/06/2012: Ủy viên HĐQT; Phó tổng giám đốc kiêm TP.TCHC - Công ty CP Bến xe Nghệ An.

8/6/2012 - nay: Phó tổng giám đốc kiêm TP.TCHC - Công ty CP Bến xe Nghệ An.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính

- Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 125.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.1.4 Bà Nguyễn Thanh Giang- Trưởng phòng, phụ trách phòng tài chính kế toán

Số CMND :186456514 Cấp ngày: 11/10/2012 Tại: Công An Nghệ An

Giới tính : Nữ

Ngày sinh : 16/5/1974

Nơi sinh : Thị xã Việt Yên- Tỉnh Hà Bắc

Quê quán : Nghi Đức- Nghi Lộc- Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Nghi Đức- Nghi Lộc- Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính- Tín dụng

Quá trình công tác:

- 6/1996 - 11/1998: Kế toán Công ty Xây dựng số I
- 12/1998 - 9/2001: Kế toán BHXH Nông dân Nghệ An
- 10/2001 - 30/11/2013: Kế toán Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam
- 1/12/2013 – 14/11/2014: Phó phòng- Phụ trách Phòng Tài chính- Kế toán Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An
- 15/11/2014 - nay: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2.2 Thay đổi trong Ban điều hành, chính sách đối với người lao động năm 2014

- Năm 2014 có sự thay đổi trong bộ máy lãnh đạo như sau:

TT	Họ và tên	Vị trí cũ	Vị trí mới	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Giang	Phó phòng TCKT – Phụ trách phòng TCKT	Trưởng phòng phòng TCKT	Bổ nhiệm từ 15/11/2014

- Công ty hiện nay có 147 cán bộ công nhân viên, trong đó bao gồm 58 nữ. Lực lượng và cơ cấu lao động của Công ty tương đối ổn định qua các năm, đảm bảo sử dụng hiệu quả toàn bộ lao động đã được Công ty ký hợp đồng, sắp xếp lao động hợp lý tại các bộ phận nhằm phát huy hết khả năng làm việc của từng cá nhân.

- Năm 2014 Công ty đã áp dụng quy chế lương, thưởng mới phù hợp với thực tế và đặc thù công việc của đơn vị. Do vậy, chế độ người lao động được đảm bảo, mức thu nhập năm sau cao hơn năm trước, môi trường làm việc cũng như chế độ phúc lợi cho người lao động ngày càng được nâng cao.

- Thực hiện đầy đủ chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật một cách kịp thời, nhanh chóng như: chế độ BHXH, BHYT, BHTN, chế độ nghỉ phép, ốm đau, thai sản,... Ngoài ra, đơn vị còn mua thêm bảo hiểm con người cho CBCNV, phụ cấp trang phục, phụ cấp vùng miền,...

- Trả lương đúng thời hạn quy định của công ty, xét duyệt nâng bậc lương cho 20 CBCNV theo quy định của Nhà nước.

- Tạo điều kiện và cử một số cán bộ đi đào tạo, tập huấn các lớp ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động: trang bị các loại bảo hộ lao động, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, thăm quan nghỉ mát, tổ chức các hoạt động đoàn thể,...

3. Tình hình tài chính

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 khả quan hơn 2013 với ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì vững chắc, tăng trưởng kinh tế phục hồi rõ nét và đồng đều, thị trường tài chính có những chuyển biến tích cực, cân đối ngân sách được cải thiện. Khó khăn của doanh nghiệp và hộ gia đình cũng giảm bớt. Tuy nhiên, bên cạnh thuận lợi do sự cải thiện về tiêu dùng và đầu tư tư nhân, tăng trưởng trong năm vẫn còn những khó khăn: (i) kinh tế toàn cầu phục hồi chậm và không ít bất trắc; (ii) giá dầu giảm ảnh hưởng đến cân đối ngân sách và khả năng đáp ứng vốn cho đầu tư phát triển; (iii) giá hàng hóa thế giới giảm, trong khi tốc độ tăng xuất khẩu đang có xu hướng giảm nhanh, nhất là khu vực nước ngoài.

Trong nước, giá xăng dầu giảm mạnh, cơ quan quản lý Nhà nước chỉ đạo các doanh nghiệp vận tải khách giảm giá cước, kéo theo doanh nghiệp kinh doanh bến bãi cũng bị giảm doanh thu do hoa hồng bán vé giảm. Nhưng với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã vượt qua được những khó khăn, thách thức và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, đặc biệt là sự nỗ lực hết sức để tăng doanh thu và lợi nhuận có được sự tăng trưởng ổn định trong suốt nhiệm kỳ III (2012-2017).

*Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt được năm 2014

Đơn vị tính: Tr.đ

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2013	KH Năm 2014	TH Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với KH năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.133	58.679	61.077	104,09%	106,9%
2	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN	32.686	31.826	32.151	101,02%	98,36%
3	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS: (Đ)	7.746	7.831	7.865	100,43%	101,54%

Như vậy, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng 106,9% so với năm 2013 và bằng 104,09% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế bằng 98,36% so với năm 2013 và bằng 101,02% so với kế hoạch. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2014 đạt 101,54% so với năm 2013, đạt 7.865 đồng/cổ phần. Kết quả trên cho thấy, năm 2014 tuy là một năm đối với công ty tuy nhiên đã đạt được tăng trưởng tốt về doanh thu thuần thu nhập trên mỗi cổ phần, mặc dù lợi nhuận trước thuế có giảm hơn so với năm 2013.

* Các chỉ tiêu tài chính năm 2014

3.1. Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	42,752%	40,602%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	24,181%	19,592%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	25,6240%	22,405%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ DT thuần	56,951%	52,641%

Các chỉ số về khả năng sinh lời cho thấy, NBS đã duy trì khả năng sinh lời tốt trong các năm qua. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2014 tuy thấp hơn so với 2013 nhưng vẫn còn cao, điều này phản ánh rõ hiệu quả sử dụng vốn và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt thời gian qua. Các chỉ số lợi nhuận sau thuế/DT thuần và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần năm 2014 cũng đạt mức xấp xỉ năm 2013 cho thấy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bám sát tốc độ tăng trưởng doanh thu, mặc dù như đã nói ở trên, các mặt hàng thiết yếu trong năm 2014 vẫn tăng giá mạnh

3.2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Khả năng thanh toán ngắn hạn	9.998	4.756
Khả năng thanh toán nhanh	9.980	4.753

Hiện nay, Công ty đang còn lượng vốn lớn dành để triển khai việc đầu tư xây dựng bến xe phía Bắc và phía Nam thành phố Vinh. Vì vậy, nhìn vào hệ số thanh toán ta nhận thấy, khả năng thanh toán của đơn vị qua các năm là rất an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Do vậy, rủi ro về khả năng thanh toán nhanh của Doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

3.3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Tổng số nợ/ Tổng tài sản	0.0563	0.1256
Tổng số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.1804	0.5040

Nhìn vào cơ cấu vốn chúng ta thấy, hiện Công ty đang có hệ số nợ rất thấp, tài sản của Công ty chủ yếu được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu nên tính an toàn rất cao. Trong tổng số nợ của Công ty, 100% là nợ ngắn hạn. Các khoản nợ này tập trung chủ yếu là nợ Ngân sách Nhà nước và phải trả người lao động, đây là các khoản chưa đến hạn phải trả theo quy định.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Cổ phần

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ lệ VDL (%)
Cổ đông tổ chức	500.000	15,86
Cổ đông cá nhân	2.653.200	84,14
Tổng số cổ phần đang lưu hành tại NBS đến 31/12/2014	3.153.200	100
Số cổ phần ưu đãi	0	
Số cổ phần phổ thông	3.153.200	100

Tháng 11 năm 2014, cơ cấu cổ đông của công ty có sự thay đổi lớn. Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) thực hiện thoái vốn theo chủ trương của Chính Phủ, bằng hình thức bán đấu giá toàn bộ cổ phần sở hữu tại công ty. Hiện nay, cổ đông tổ chức trong nước nắm giữ 26,08%; cổ đông cá nhân nắm giữ 73,92% số cổ phần.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Hoạt động quản lý và kinh doanh bến bãi

“NBS” được giao nhiệm vụ là đơn vị thay mặt Sở GTVT tỉnh Nghệ An quản lý về mặt Nhà nước trong hoạt động vận tải khách bằng ô tô: sắp xếp luồng tuyến xe, lịch trình xe chạy, kiểm tra và xác nhận sổ nhật trình cho xe xuất bến, tổ chức bán vé cho khách đi xe,...Để hoạt động này đạt hiệu quả cao, đơn vị đã, đang và sẽ tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với công việc. Tại các bến xe, việc sắp xếp các luồng tuyến hết sức khoa học và hợp lý, lịch trình xe chạy được thông báo rõ ràng, công tác bán vé, làm thủ tục cho xe chạy được thực hiện đúng quy định và nhanh chóng, công tác an ninh trật tự và vệ sinh môi trường luôn bảo đảm làm hài lòng khách đi xe cũng như lái, phụ xe mỗi khi vào bến. Phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông để xử lý các phương tiện vi phạm và đưa vào bến hoạt động đúng quy định, đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp và nhà xe, lập lại trật tự an toàn giao thông và

an ninh trật tự trên địa bàn thành phố, đưa xe vào bến hoạt động để tăng doanh thu cho Công ty. Cùng với hệ thống bến xe khắp các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lí, hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng được hoàn thiện và nâng cao nên trong thời gian qua Công ty luôn đạt được tốc độ tăng trưởng ấn tượng qua các năm, cụ thể như sau:

Doanh thu kinh doanh dịch vụ bến bãi năm 2014

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Doanh thu	Tr.đ	51.381	53.185	103,51%
2	Tỷ lệ/Tổng DT	%	82%	79%	-
3	Chuyến xe xuất bến	Chuyến	317.816	316.857	99,70%
4	Khách xuất bến	Lượt	5.438.000	4.752.855	87,40%

Qua các chỉ tiêu trên cho ta thấy số chuyến xe, khách xuất bến và doanh thu năm 2014 giảm so với năm 2013. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu đã dịch chuyển theo hướng doanh thu dịch vụ bến bãi chiếm tỷ trọng giảm hơn trong tổng doanh thu so với năm 2013.

1.2. Kinh doanh Khách sạn, Nhà nghỉ

Hầu hết các bến xe đều được đầu tư hệ thống khách sạn, nhà nghỉ.

- Tại Bến xe Vinh, Bến xe Chợ Vinh, NBS đã xây dựng hệ thống nhà nghỉ với hơn 40 phòng nghỉ được trang bị đầy đủ tiện nghi: Điều hòa nhiệt độ, nóng lạnh, truyền hình cáp,... đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách đi xe và lái phụ xe sau những chuyến đi dài mệt mỏi.

- Tại Bến xe Cửa Lò, NBS đã đầu tư khách sạn An Bình quy mô 02 tầng với 30 phòng nghỉ khang trang, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch tại Bãi biển Cửa Lò trong mùa hè và nhu cầu nghỉ ngơi của các đoàn đến công tác, học tập tại Cửa Lò.

- Tại các Bến xe huyện, NBS cũng đã đầu tư hệ thống nhà nghỉ bình dân từ 3 – 10 phòng nghỉ/bến nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách và lái, phụ xe đường dài.

- Năm 2014, NBS tiến hành sửa chữa, tân trang hệ thống nhà nghỉ tại bến xe Đô Lương, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, cũng như thúc đẩy mạnh hơn hoạt động trong lĩnh vực này.

Doanh thu kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ năm 2014

ĐVT: Tr.đ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Doanh thu	1.271	1.208	95.04%
2	Tỷ lệ % / Tổng DT	2.22%	1.98%	-

1.3. Cho thuê quầy bán vé, văn phòng làm việc, ki ốt kinh doanh

Ngoài hoạt động quản lí và kinh doanh Bến bãi, kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ. NBS còn đầu tư hệ thống văn phòng và kiốt kinh doanh để cho thuê.

- Tại Bến xe Vinh và Bến xe Chợ Vinh: NBS đầu tư 20 căn phòng làm việc cho các đơn vị vận tải, các doanh nghiệp thuê làm trụ sở, văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Đặc biệt tại Bến xe Vinh, năm 2013 NBS đã sửa chữa, nâng cấp tòa nhà điều hành bến xe Vinh, trong đó chú trọng đến phòng vé, văn phòng làm việc phù hợp với nhu cầu, xu hướng để các đơn vị vận tải thuận tiện trong việc kinh doanh. Ngoài ra còn đầu tư hệ thống gần 100 kiốt cho các hộ kinh doanh thuê để bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh giải khát, dịch vụ rửa xe,... nhằm đáp ứng một cách đầy đủ nhất các loại hình dịch vụ cho khách đi xe và lái, phụ xe.

- Tại các bến xe huyện, do được đặt tại trung tâm của thị xã và thị trấn, khu vực sầm uất nhất của các huyện nên NBS cũng đầu tư từ 5 – 10 kiốt/bến để cho các hộ kinh doanh thuê bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống,...

Doanh thu kinh doanh dịch vụ thuê quầy vé, văn phòng làm việc, ki - ốt năm 2014

ĐVT: Tr.đ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Doanh thu	1.518	1.628	107.25%
2	Tỷ lệ %/ Tổng DT	2.7%	2.67%	-

1.4. Dịch vụ Bông Sen

Doanh thu dịch vụ Bông Sen năm 2014

Khu dịch vụ Bông Sen tại bến xe Vinh được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2013 nhằm phục vụ nhu cầu ăn uống, tạo sự tiện lợi và an toàn vệ sinh thực phẩm cho hành

khách đi xe cũng như lái, phụ xe. Mặt khác, khu dịch vụ Bông Sen cũng đã làm nổi bật hình ảnh và góp phần thay đổi diện mạo của bến xe Vinh. Năm 2013, dịch vụ Bông Sen mới chỉ đi vào hoạt động từ quý IV/2013, nhưng năm 2014, khu dịch vụ Bông Sen đã góp phần tăng doanh thu cho công ty.

ĐVT: Tr.đ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Doanh thu DV Bông Sen	751	2.543	338.62%
2	Tỷ lệ %/ Tổng DT	1,3%	4.16%	-

1.5. Kinh doanh các dịch vụ khác (xe đạp, xe máy ra vào cổng, xe con, taxi, trông giữ xe máy)

Công ty tổ chức thu phí đối với các phương tiện ra vào cổng: taxi, xe con đưa đón khách, xích lô chờ hàng,... trông giữ xe đạp, xe máy ngày và đêm, cho thuê mặt bằng quảng cáo,... vừa đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông, tránh ùn tắc trước cổng ra vào bến xe, giữ gìn vệ sinh công cộng, tạo sự yên tâm cho khách đến mua vé cũng như đưa đón người nhà. Đặc biệt, trong năm 2014 Công ty đã đầu tư mở rộng nhà giữ xe tại bến xe Vinh để đáp ứng nhu cầu của khách gửi xe, xây dựng trạm thu phí cổng tại bến xe Vinh và bến xe Chợ Vinh, lắp đặt hệ thống camera giám sát nhằm kiểm soát chặt chẽ các phương tiện ra, vào bến tránh thất thu.

Doanh thu kinh doanh dịch vụ khác năm 2014

ĐVT: Tr.đ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Doanh thu khác	6.870	7.337	106.8%
2	Tỷ lệ %/ Tổng DT	12%	12.01%	-

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Dự báo tình hình kinh tế thế giới có những khởi sắc trong năm 2015, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi, dù còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2015 được dự đoán có nhiều khả năng sẽ phục hồi nhưng thiếu bền vững nếu những tồn tại mang tính cơ cấu của nền kinh tế chưa được giải quyết: như yếu kém về cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực

thấp, ngành công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, bất cập trong hệ thống luật pháp và chính sách,... Năm 2015 cũng là năm tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm phát quay trở lại do tác động trễ của những chính sách tháo gỡ sản xuất kinh doanh của năm 2015.

Giá cả các mặt hàng thiết yếu vẫn tăng mạnh: xăng dầu, điện, nước,... đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp vận tải được xem là một trong những ngành chịu nhiều tác động. Ngoài ra, nhiều tuyến quốc lộ đang được sửa chữa, nâng cấp với tiến độ còn rất chậm do nhiều yếu tố và điều này càng khó khăn hơn cho các doanh nghiệp vận tải. Mặt khác, nhu cầu đi lại của lực lượng lao động làm việc tại các khu công nghiệp các tỉnh phía Nam giảm, nên phương tiện kinh doanh vận tải khách trên các tuyến Sài Gòn, Bình Dương, Lâm Đồng, Đăclak, Đắc Nông hoạt động giảm tàn suất so với những năm trước. Cộng với đó, sự phát triển tất yếu của một số loại hình vận tải khác như: phương tiện cá nhân, máy bay, tàu hỏa, taxi, xe buýt... ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động vận tải khách bằng ô tô tuyến cố định. Việc kiểm soát trong công tác quản lý Nhà nước của các cơ quan chức năng còn thiếu chặt chẽ dẫn đến việc nhiều xe dù bến cóc được hình thành, gây bất lợi cho các doanh nghiệp vận tải cũng như doanh nghiệp bến xe khi mà sự cạnh tranh là không bình đẳng.

- Giá cả các loại hàng hóa đầu vào tăng sẽ làm đẩy chi phí của đơn vị lên cao, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

- Việc giá cả các loại hàng hóa tăng cũng sẽ ảnh hưởng đến công tác đầu tư xây dựng các dự án của Công ty trong thời gian tới

- Việc chậm triển khai và đưa bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh vào hoạt động sẽ làm tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động SXKD của Công ty khi tỉnh đã cho phép các đơn vị khác đầu tư bến xe trên cùng địa bàn, chia nhỏ thị phần, cạnh tranh quyết liệt,...

- Sự biến động nhanh chóng của nền kinh tế, những khó khăn vẫn còn hiện hữu cũng sẽ làm cho việc mở rộng ngành nghề kinh doanh của đơn vị phải thận trọng từ việc lựa chọn ngành nghề để mở rộng, quy mô và thời điểm,...

- Thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp cũng sẽ là những yếu tố rủi ro cho hoạt động kinh doanh vận tải khách,...

Với tình hình thực tế như trên, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An đã xây dựng và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2015 như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Tăng (Giảm) so với thực hiện 2014(%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	57.104	Giảm 6.5%

Lợi nhuận trước thuế	-	28.452	Giảm 11.5%
Lợi nhuận sau thuế	-	22.028	Giảm 11.2%
Thu nhập/Mỗi cổ phần lưu hành (EPS)	Đồng	6.986	Giảm 11.23%
Cổ tức dự kiến	%	25-30	25-30

Với kế hoạch như trên, nếu trong quá trình triển khai tùy thuộc vào điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn, BGD sẽ điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trình HĐQT xem xét để trình ĐHĐCĐ thông qua cho phù hợp với điều kiện thực tế. Kế hoạch trình bày ở trên chỉ là hoạt động kinh doanh các dịch vụ hiện có, sau này đơn vị mở rộng các ngành nghề mới HĐQT sẽ tính toán cụ thể các chỉ tiêu để trình ĐHĐCĐ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014, nền kinh tế nước ta đã có những bước khởi sắc hơn so với năm 2013. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều yếu tố khó khăn chưa được tháo gỡ. Tháng 11 năm 2014, cổ đông mới mua cổ phần tại Công ty do Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC thoái vốn. Do đó, cổ đông mới còn nhiều thận trọng trong các quyết định của mình đối với các kế hoạch sản xuất, cũng như đường lối phát triển tại công ty.

Mặc dù vậy năm 2014 Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thách thức của nền kinh tế và đã đạt được những kết quả nhất định trong thời gian qua.

1.1 Bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của Công ty tiếp tục được hoàn thiện hơn, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành chung của Công ty, đồng thời phát huy nội lực, tính chủ động sáng tạo của các đơn vị và cá nhân. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2014 của Công ty cổ phần bến xe Nghệ An đã thông qua việc miễn nhiệm đối với 1 thành viên BKS là bà Thi Thị Thùy Trang (đại diện của SCIC) đã có đơn từ nhiệm sau khi SCIC thoái vốn và bầu bổ sung vào BKS Ông Nguyễn Văn Chi từ ngày 25/12/2014. HĐQT và BKS hoạt động khách quan, minh bạch và chuyên nghiệp luôn đặt mục tiêu đạt hiệu quả cao hơn trong công tác quản trị điều hành và giám sát. HĐQT thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và hoàn thiện các quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, từ đó đã tạo dựng được tính chủ động, dân chủ, phát huy được năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên.

Hội đồng quản trị cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh để gia tăng lợi nhuận cho Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

1.2 Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác các dịch vụ vận tải khách bằng ô tô. Do vậy, trong thời gian qua HĐQT đã hết sức chú trọng đến việc nâng cao chất lượng phục vụ, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng các bến xe, xây dựng mức phí phù hợp với thực tế theo từng thời kỳ, thu hút các doanh nghiệp vận tải tham gia hoạt động vận tải khách trên bến do Công ty quản lý, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vận tải mở rộng quy mô, mở thêm nhiều tuyến vận tải khách chất lượng cao,...

- Xây dựng quy trình quản lý xe ra, vào bến để quản lý xe, vào bến đúng quy định của Bộ GTVT đã ban hành. Đồng thời áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhằm kiểm tra, kiểm soát tốt các thủ tục hành chính về hoạt động vận tải khách, hạn chế được những thiếu sót trong vận tải khách.

- Chỉ đạo các bến xe bố trí, sắp xếp phương tiện đúng luồng tuyến và điều hành xe chạy đúng biểu đồ vận hành, ngày giờ xuất bến, đảm bảo khách quan, công bằng, bình đẳng giữa các doanh nghiệp vận tải.

- Xây dựng giá các loại hình dịch vụ năm 2014 phù hợp với điều kiện chung của nền kinh tế, nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và tăng doanh thu cho Công ty.

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị vận tải khách trong và ngoài tỉnh để tư vấn, thay thế, bổ sung thêm phương tiện hoặc mở thêm tuyến mới. Năm 2014 có một số tuyến mới mở: Vinh – Quy Nhơn; Vinh – Hải Dương; Chợ Vinh – Hòa Bình. . .

- Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan chức năng như: cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông, cảnh sát trật tự,... để hạn chế các phương tiện bỏ bến, xe chạy vòng vo, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Thường xuyên phối kết hợp với các bến xe tỉnh bạn (bến đến) để quản lý phương tiện đảm bảo hoạt động ổn định và chấp hành tốt nội quy quy chế của hai đầu bến.

- Với các giải pháp như trên, hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải khách của đơn vị đã đạt được những kết quả khả quan như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ hoàn thành so với năm 2013
1	Số chuyến xe xuất bến	Chuyến	317.816	316.857	99,7%
2	Số khách xuất bến	Khách	5.438.000	4.752.855	87,4%
3	Doanh thu	Tr.đ	57.133	61.077	106,9%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	32.686	32.151	98,36%

1.3 Cơ cấu Tài chính

- Tại thời điểm 31/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là: 31.532.000.000 đ
- Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng tài sản của Công ty đạt 126.579.186.928 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 110.686.720.087 đồng tăng lần lượt 25,31% và 16,12% so với thời điểm 31/12/2013. Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại 31/12/2014 đạt 7.865 đồng
- Tổng số nợ phải trả/Tổng tài sản tại ngày 31/12/2014 là 12,56%
- Tổng số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014 là 14,36%

1.4 Đầu tư xây dựng cơ bản

- Hiện nay Công ty đang đầu tư xây dựng 2 tổ hợp dự án Bến xe Nam Vinh quy mô 5 ha tại xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An và dự án Bến xe Bắc Vinh quy mô 4 ha tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An. Trong năm 2014, đã hoàn thành và quyết toán gói thầu san nền đợt 2 bến xe Bắc Vinh trị giá 1,822 tỷ đồng. Công ty cũng đang tiến hành xây dựng tường rào bến xe Bắc Vinh trị giá 3,418 tỷ đồng. Hoàn thành việc xây dựng tường rào và trồng cây xanh tại bến xe Nam Vinh.

- Ngoài ra tiến hành sửa chữa thường xuyên tại các bến xe: Nam Đàn, Cửa Lò, Quế Phong, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, bến Vinh và Chợ Vinh.

1.5 Các lĩnh vực khác

- Công ty luôn có chính sách khen thưởng định kỳ và đột xuất những tập thể, cá nhân xuất sắc trong lao động sản xuất như: khen thưởng vào các dịp chiến dịch phục vụ tết, chiến dịch phục vụ mùa thi,... nhằm động viên tinh thần, khích lệ CBCNV phấn đấu, nỗ lực trong công việc.

- Mặc dù năm 2014 nền kinh tế nói chung vẫn còn nhiều khó khăn, giá cả các mặt hàng tăng cao, lạm phát lớn, nhưng đời sống của người lao động cũng được cải thiện đáng kể, thu nhập người lao động năm sau cao hơn năm trước, điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên được quan tâm, đảm bảo, chế độ phúc lợi được nâng cao.

- Công tác xã hội: Các hoạt động xã hội, từ thiện ủng hộ đồng bào bị bão lụt, ủng hộ chương trình xóa tranh tre nhà tạm, ủng hộ các nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ bảo trợ trẻ em, chương trình tết vì người nghèo,... hàng năm đơn vị thực hiện một cách đầy đủ và tích cực

1.6 Những tồn tại trong năm 2014

- Công tác triển khai đầu tư xây dựng bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh bị chậm so với dự kiến ban đầu. Cuối năm 2014, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước thực hiện thoái vốn tại Công ty. Sau khi các cổ đông mới mua cổ phần tại công ty, đã không thông qua Tờ trình điều chỉnh dự án bến xe phía Bắc – thành phố Vinh. Do đó, không đủ điều kiện pháp lý để triển khai dự án. Ban điều hành đang làm việc với với cổ đông lớn, cũng như lắng ý kiến của các cổ đông, để tìm ra phương án tối ưu giải quyết vướng mắc nội bộ để tiếp tục triển khai xây dựng dự án đúng thời hạn UBND tỉnh đề ra.

- Ngày 17/03/2015 Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An có công văn số 506/SGTVT-VT về việc kêu gọi đầu tư xây dựng bến xe khách trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Đây là cơ hội cũng như thách thức của Công ty.

- Ngày 23/03/2015, UBND tỉnh Nghệ An đã có quyết định số 20/2015/QĐ-UBND về việc bổ sung quy hoạch bến xe phía Đông thành phố Vinh vào quy hoạch hệ thống bến xe khách trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2020, và được biết hiện nay đang có đơn vị thỏa thuận quy hoạch để đầu tư.

Với chủ trương của tỉnh Nghệ An như đã nói ở trên, nếu chúng ta không nhanh chóng triển khai xây dựng bến xe phía Bắc và phía Nam thành phố Vinh để đưa vào hoạt động trong năm 2015 – 2016 thì nguy cơ sẽ bị mất thị phần là rất lớn, ngoài ra sẽ không thể nhận được sự ủng hộ tích cực của cơ quan chức năng Nghệ An, đặc biệt là sở GTVT Nghệ An.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải khách bằng ô tô từ nay đến khi đưa bến xe mới vào hoạt động, tìm giải pháp khắc phục và tăng cường công tác quản lý để hạn chế sự sụt giảm trong thời gian đầu khi di chuyển ra bến xe mới.

- Quyết tâm tìm kiếm cơ hội để mở rộng những lĩnh vực, ngành nghề mới, hướng tới mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trên cơ sở phát huy tối đa thế mạnh ngành nghề truyền thống ngay trong năm 2015 cũng như các năm tiếp theo.

- Sớm tìm được sự đồng thuận giữa các cổ đông lớn để thông qua dự án điều chỉnh bến xe Bắc Vinh và hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ đầu tư bến xe phía Bắc và phía Nam thành phố Vinh

- Lập dự án đầu tư Trung tâm thương mại khách sạn tại khu đất 77 đường Lê Lợi, TP.Vinh, Nghệ An (bến xe Vinh hiện tại), sau khi di chuyển bến xe Vinh ra bến xe Bắc Vinh sẽ tiến hành đầu tư xây dựng dự án này

- Tính toán cơ cấu nguồn vốn để có kế hoạch huy động vốn cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh theo hình thức phát hành cổ phiếu hoặc vay ngân hàng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn và đảm bảo an toàn tài chính của Công ty

Năm 2014 HĐQT Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao. Đặc biệt về chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đã đạt được đà tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm qua, tạo tiền đề tốt cho sự phát triển trong thời gian tới. Đồng thời đẩy mạnh quá trình đổi mới doanh nghiệp, phát huy những lợi thế cạnh tranh để tiến tới đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh. Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển dài hạn và những giải pháp mang tính đột phá hướng Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An tới mục tiêu trở thành một Công ty đa ngành nghề vững mạnh và có uy tín trên địa bàn Nghệ An và là một trong những đơn vị đầu tư kinh doanh Bến xe lớn nhất cả nước trong vòng 5 năm tới.

V. Quản trị công ty

* Hội đồng quản trị

1. Ông Vũ Phi Hồ – Chủ tịch HĐQT

Số CMND : 012888718 Cấp ngày: 19/6/2008 Tại: CA Hà Nội
Giới tính : Nam
Ngày sinh : 21/03/1978 Nơi sinh: Lạng Sơn Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không
Quê quán : Tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An
Địa chỉ thường trú : P1, trường ĐHTH, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội
Trình độ văn hóa : 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

Quá trình công tác:

2002 – 7/2013: Chủ tịch HĐQT kiêm GD Công ty TNHH SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng

Từ 8/2013 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng

Từ 8/2013 – nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Cạn

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 114.500 cổ phần
- Số cổ phần đại diện : 500.000 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng tại Công ty CP Bến xe Nghệ An)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2. Trần Minh Thành - Ủy viên HĐQT (Xem phần ban điều hành)

3. Ông Võ Xuân Thanh - Ủy viên HĐQT (Xem phần ban điều hành)

4. Ông Nguyễn Chí Thành - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 6/02/2015)

Số CMND : 013327801 Ngày cấp: 24/07/2010 Tại: CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 25/12/1974

Nơi sinh : Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Tôn giáo : Không

Quê quán : Hà Nội

Địa chỉ thường trú : 157 - Phố Đại La - Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân Hàng

Quá trình công tác:

- 1996 - 2001 : Giám đốc phía Bắc Công ty Coca – Cola Việt Nam.
- 2001 - 2003 : Chuyên viên tại Công ty XNK Bộ Thương mại;
- 2003 - 2005 : Phụ trách kinh doanh tại công ty thuốc lá Mildseven, Nhật Bản;
- 2005 - 2008 : GD chi nhánh phía Bắc tại Công ty Oriflame Thụy điển – VN;
- 2008 - 2012 : Chuyên viên Ban Đầu tư 5, Trưởng nhóm đầu tư tài chính các dự án mới, Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC);
- Từ 2012 - nay: Chuyên viên Ban Đầu tư 2 – SCIC
- Từ 6/2012 – nay: TV HĐQT Công ty cổ phần bến xe Nghệ An
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : UV HĐQT
 - Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

5. Ông Phạm Đức Thắng - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/02/2015)

Số CMND : 182559792 Ngày cấp: 02/05/2012 Tại: CA Nghệ An

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1983

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Hưng Lộc, TP Vinh, Nghệ An

Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 04.39336079
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1/2006 - 11/2006: Chuyên viên tín dụng – Ngân hàng TMCP VPBank
- Từ 12/2006 - 12/2009: Chuyên viên tư vấn – Công ty chứng khoán Sài Gòn – HN
- Từ 01/2010 - 12/2010: Chuyên viên tư vấn – Công ty chứng khoán Thăng Long
- Từ 01/2011 - 11/2011: Giám đốc môi giới – Công ty chứng khoán Quốc Gia
- Từ 12/2011 - nay: Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
- Từ 6/2012 – nay: TV HĐQT Công ty cổ phần bến xe Nghệ An.
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Ủy viên HĐQT
 - Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 0
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

*** Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014**

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc): Theo Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của HĐQT.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: chưa có các tiểu ban
- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2014

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 93/NQ-HĐQT	15/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 là ngày 20/6/2014. - Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013. Yêu cầu Ban điều hành tính toán lại, hoạch toán ngành nghề kinh doanh mới vào kế hoạch sản xuất năm 2014 trình HĐQT xem xét. - Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013. - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2013 và giao cho Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2014. - Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013. - Thông qua tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2013. Giữ nguyên tỷ lệ chi trả

			<p>3,5% và không qua 750 triệu đồng cho thù lao HĐQT, BKS năm 2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Ban điều hành thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ thiết kế cơ sở về điều chỉnh dự án bến xe Bắc Vinh gửi SCIC có ý kiến, để tiến hành thông qua trong cuộc họp tới. - Tiếp tục xem xét tờ trình đầu tư Trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp và khách sạn tại khu đất số 77, đường Lê Lợi, TP Vinh để trình ĐHĐCĐ sau. - Thông qua tờ trình mua cổ phần IPO của Công ty TNHH MTV kim loại màu Thái Nguyên, trong đó giá không quá 12.000đ/cổ phiếu và khối lượng không vượt quá 9,5 tỷ đồng. Giao cho Ban điều hành phối hợp thực hiện. - Thông qua tờ trình chủ trương triển khai hoạt động kinh doanh mua bán khoáng sản và chủ trương mua cổ phần của Công ty cổ phần du lịch xanh Nghệ An (Số 2, Mai Hắc Đế, Tp Vinh, Nghệ An).
2	Số 130/NQ-HĐQT (Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến TV HĐQT bằng văn bản)	03/06/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình của Tổng Giám đốc về việc đề nghị SCIC xem xét bán vốn cho CBCNV trong Công ty theo mục s khoản 4 Điều 4 của Nghị định 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước trong tổng số 40,39% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An mà SCIC dự định bán. - Thống nhất lùi ngày ĐHĐCĐ sau ngày 20/06/2014. Thời gian và địa điểm cụ thể sẽ được thông báo sau. - Không thông qua tờ trình mua 10% tổng số cổ phần lưu hành của Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An khi SCIC thoái vốn để làm cổ phiếu quỹ, với giá bằng giá khởi điểm mà SCIC công bố và tổng giá trị không vượt quá 9,4 tỷ đồng.
3	Số 202/NQ-HĐQT	29/08/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chương trình, tài liệu, thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. - Thông qua Tờ trình điều chỉnh dự án bến xe Bắc Vinh. - Thông qua tờ trình về việc triển khai xây dựng gói thầu tường rào bến xe Bắc Vinh để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án như đã cam kết với UBND Tỉnh.
4	Số 226/NQ-HĐQT (Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến TV HĐQT bằng văn bản)	19/9/2014	- Thống nhất lùi ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.
5	Số 273/NQ-HĐQT	21/11/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua ngày chốt danh sách ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 là ngày 10/12/2014. - Thông qua chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014.

*** Ban kiểm soát**

1. Ông Phạm Xuân Bích – Trưởng Ban kiểm soát

Số CMND : 181801160, CA Nghệ An cấp ngày 31/07/2007.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 02/09/1960; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối Tân Quang, phường Lê Mao, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1980 - 1982 : Cán bộ kỹ thuật xây dựng – Xí nghiệp bê tông Công ty xây dựng số 5
- 1982 – 1985 : Đi bộ đội
- 1985 – 1988 : Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp thủy lợi Hưng Nguyên
- 1988 – 1991 : Xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức
- 1991 – 1993 : Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp thủy lợi Hưng Nguyên
- 1993 – 1997 : Cán bộ kỹ thuật Công ty thủy nông Nam
- 1997 – 2001 : Cán bộ kỹ thuật – Phòng XDCCB Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An
- 2001 – 2007 : Phó trưởng phòng xây dựng cơ bản – Công ty CP Bến xe Nghệ An
- 2007 – 8/6/2012: Thành viên BKS; Phó trưởng phòng xây dựng cơ bản – Công ty CP Bến xe Nghệ An
- 8/6/2012 – nay: Trưởng ban kiểm soát; Phó trưởng phòng xây dựng cơ bản – Công ty CP Bến xe Nghệ An

- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Trưởng BKS; Phó trưởng phòng xây dựng cơ bản
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ (tại ngày 31/12/2014): 22.200 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

2. Ông Lương Khắc Thanh – Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 06/02/2015)

Số CMND : 182234615, CA Nghệ An cấp ngày 18/03/2002.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 05/05/1954; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Phật giáo

Quê quán : Xã Nghi Đức, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : SN 404, đường Nguyễn Trãi, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Quá trình công tác:

- 1973 - 1987 : Bộ đội
- 1987 - 1992 : Cán bộ Sở Tài chính Nghệ An
- 1992 - 1995 : Chuyên viên chính Cục thuế Nghệ An
- 1995 - 2000 : Phó phòng Cục Tài chính Doanh nghiệp Nghệ An
- 2000 - 2007 : Chuyên viên chính – Sở Tài chính Nghệ An
- 2007 - 8/6/2012 : Trưởng BKS "NBS", Chuyên viên chính – Sở Tài chính Nghệ An
- 8/6/2012 – nay : TV BKS Công ty cổ phần bến xe Nghệ An
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
 - Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

3. Bà Thái Thị Thùy Trang – Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/12/2014)

Số Hộ chiếu : B5587360 Ngày cấp: 28/7/2011 Tại: Cục quản lý Xuất nhập cảnh

Giới tính : Nữ

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đô Lương – Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khu Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại liên lạc ở cơ quan : 04.62780152

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ năm 2004 - năm 2008 : Chuyên viên Tổng cục Thuế

- Từ năm 2008 - nay : Chuyên viên SCIC
- Từ 6/2012 – nay : TV BKS Công ty cổ phần bến xe Nghệ An
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
 - Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

4. Ông Nguyễn Văn Chi – Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/12/2014)

Số CMND : 030081000032 Ngày cấp: 04/07/2013 Tại: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú về DLQG về dân cư.

Giới tính : Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Ninh Giang – Hải Dương

Địa chỉ thường trú : Tổ 13, Cụm 2, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ năm 2003 - 2009 : Chuyên viên, Trưởng phòng tư vấn CTCP nghiên cứu và tư vấn Ficore.
- Từ năm 2009 - 2010 : Kế toán trưởng Công ty TNHH sản xuất Phúc Lâm
- Từ năm 2010 – 2012 : Giám đốc điều hành CTCP xuất nhập khẩu và thương mại Vinatraco.
- Từ năm 2013 – nay : kế toán trưởng CTCP khoáng sản Bắc Kạn
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
 - Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 0 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Ban kiểm soát năm 2014 đã kiểm soát các mặt chủ yếu sau đây:

- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 đề ra, đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nội quy, quy chế của Công ty, đồng thời xem xét hệ thống các văn bản quy định hiện hành của công ty, tham gia trực tiếp vào quá trình soạn thảo, đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản đó.

- Thẩm định các tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2014, đồng thời giám sát trình tự, thủ tục và diễn biến của ĐHCĐ thường niên 2014.

- Thẩm định báo cáo quyết toán tài chính 6 tháng, cả năm 2014 của Công ty kịp thời, khách quan, đánh giá độ tin cậy của số liệu, kiến nghị và đề xuất với Công ty trong Công tác tài chính, kế toán, thống kê và quản trị doanh nghiệp. Phối hợp cùng với đơn vị kiểm toán xem xét ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty, giám sát việc thực hiện những kiến nghị của đơn vị kiểm toán và BKS đưa ra.

- Kiểm soát sử dụng các nguồn lực của Công ty trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh và mục tiêu quản lý của Công ty đã đề ra.

- Kiểm tra, giám sát những kiến nghị mà cổ đông đề xuất, đặc biệt là trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản

*** Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Tổng lương và thù lao trả cho HĐQT và BGD trong năm 2014 là: 2.074.314.101 đ
- Thù lao trả HĐQT và BKS trong năm 2014 là: 510.000.000 đ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Xuân Thanh	UV HĐQT, Phó TGD	258.600	8,2	129.300	4,1	Bán
2	Công ty TNHH sản xuất và thương mại quốc tế Vũ Hoàng	Đại diện tại công ty: Ông Vũ Phi Hồ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	500.000	15,86%	629.300	19,96%	Mua
3	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước SCIC	Đại diện tại Công ty: Ông Nguyễn Chí Thành và Ông Phạm Đức Thắng - TV HĐQT	1.273.500	40,39%	0	0	Bán
4	Công ty cổ phần khoáng sản tại Bắc Kạn	Đại diện tại công ty: Ông Vũ Phi Hồ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	0	0	189.200	6%	Mua

VI. Báo cáo tài chính

UHY ACA Ltd

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
UHY ACA AUDITING AND CONSULTING CO., LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

UHY ACA Ltd

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG/CENTRAL BRANCH:

P.1301 Chung cư Tháp đôi Dầu khí, số 7 Đ. Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An
Suite 1301, Petrol Building, 7 Quang Trung Str., Vinh City, Nghe An Province
Tel: (038) 3 848 810 Fax: (038) 3 560 040

Số: 39 /2015/BCKT-UHY ACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/3/2015, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

002
NH
N V
AC
NH
NG
HỆ A

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Dũng
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1379-2014-112-1



Nguyễn Duy Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1951-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA
- Chi nhánh Miền Trung
Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		75.588.394.951	56.862.909.767
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	73.717.656.666	55.161.486.090
111	Tiền		6.617.656.666	2.587.651.052
112	Các khoản tương đương tiền		67.100.000.000	52.573.835.038
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.641.386.592	1.104.968.837
132	Trả trước cho người bán		1.368.849.940	883.223.685
135	Các khoản phải thu khác	V.2	272.536.652	221.745.152
140	Hàng tồn kho	V.3	50.704.050	103.138.290
141	Hàng tồn kho		50.704.050	103.138.290
150	Tài sản ngắn hạn khác		178.647.643	493.316.550
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		83.647.643	428.316.550
158	Tài sản ngắn hạn khác		95.000.000	65.000.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		50.990.791.977	44.147.357.503
220	Tài sản cố định		42.326.678.433	33.720.618.747
221	Tài sản cố định hữu hình	V.4	3.412.642.370	1.807.874.300
222	Nguyên giá		29.508.420.160	26.787.540.160
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.095.777.790)	(24.979.665.860)
227	Tài sản cố định vô hình	V.5	-	-
228	Nguyên giá		52.859.000	52.859.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(52.859.000)	(52.859.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.6	38.914.036.063	31.912.744.447
260	Tài sản dài hạn khác		8.664.113.544	10.426.738.756
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.7	8.664.113.544	10.426.738.756
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		126.579.186.928	101.010.267.270

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		15.892.466.841	5.687.155.206
310	Nợ ngắn hạn		15.892.466.841	5.687.155.206
312	Phải trả người bán		781.412.410	158.055.400
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.8	2.797.772.349	2.564.336.447
315	Phải trả người lao động		1.557.903.579	1.379.444.678
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.9	9.326.460.559	812.295.529
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.428.917.944	773.023.152
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.686.720.087	95.323.112.064
410	Vốn chủ sở hữu	V.10	110.686.720.087	95.323.112.064
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31.532.000.000	31.532.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		1.441.530.758	1.441.530.758
413	Vốn khác của chủ sở hữu		2.969.144.190	2.969.144.190
417	Quỹ đầu tư phát triển		45.914.439.517	32.480.364.749
418	Quỹ dự phòng tài chính		2.962.993.689	2.474.481.879
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.866.611.933	24.425.590.488
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		126.579.186.928	101.010.267.270

21063
NG T
M T Q
AN U
HI N
IEN Y
NH T

Linh

Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Giang

Nguyễn Thanh Giang
Kế toán trưởng



Trần Minh Thành

Trần Minh Thành
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.077.621.605	57.133.251.061
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	61.077.621.605	57.133.251.061
11	Giá vốn hàng bán	VI.2	21.916.519.143	18.569.395.665
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.161.102.462	38.563.855.396
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.532.084.899	3.514.212.031
22	Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	Chi phí bán hàng		180.209.087	152.143.179
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.361.004.398	9.388.213.161
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.151.973.876	32.537.711.087
31	Thu nhập khác		-	473.272.728
32	Chi phí khác		31.321	324.117.730
40	Lợi nhuận khác		(31.321)	149.154.998
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.151.942.555	32.686.866.085
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.4	7.352.943.654	8.261.275.597
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.798.998.901	24.425.590.488
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	7.865	7.746


 Nguyễn Thị Thùy Linh
 Người lập biểu


 Nguyễn Thanh Giang
 Kế toán trưởng



 Trần Minh Thành
 Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	32.151.942.555	32.686.866.085
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao TSCĐ	1.116.111.930	1.548.848.521
05	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.532.084.900)	(3.663.728.953)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	29.735.969.585	30.571.985.653
09	Tăng giảm các khoản phải thu	(502.131.600)	226.182.277
10	Tăng giảm hàng tồn kho	52.434.240	(103.138.290)
11	Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	965.102.253	479.583.498
12	Tăng giảm chi phí trả trước	2.107.294.119	(1.740.768.337)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.204.351.947)	(8.412.005.751)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	471.600.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(755.284.684)	(934.562.797)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	24.870.631.966	20.087.276.253
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(9.782.260.135)	(7.387.382.586)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	520.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.467.798.745	3.307.146.797
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(6.314.461.390)	(3.560.235.789)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(9.459.600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(9.459.600.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	18.556.170.576	7.067.440.464
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	55.161.486.090	48.094.045.626
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	73.717.656.666	55.161.486.090


Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Giang
Kế toán trưởng



Trần Minh Thành
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2004, thay đổi lần thứ 06 ngày 05 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng, khách du lịch;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán khoáng sản.

Trụ sở chính: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 153 người (tại ngày 31/12/2013 là 148 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là: Chứng từ ghi sổ - Kế toán trên máy vi tính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-08
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

6. Tài sản cố định vô hình

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn khi được giao đất hoặc số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

101
IG T
I T C
N U
N H
N T
T T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy tính

Số năm
03

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

2-0
/ TNP
IÁN
HY-
IÁN
RUNI
NGH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

14. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp)

15. Công cụ tài chính

Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam có hiệu lực bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2011. Việc trình bày chi tiết về công cụ tài chính xem thuyết minh số VII.5.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.745.878.585	1.445.501.332
Tiền gửi ngân hàng	871.778.081	1.142.149.720
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	67.100.000.000	52.573.835.038
- Tiền gửi tại Ngân hàng VPBank-CN Nghệ An	44.500.000.000	22.974.500.000
- Tiền gửi tại Ngân hàng Sacombank-CN Nghệ An	22.600.000.000	29.599.335.038
Cộng	73.717.656.666	55.161.486.090

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.185.263	14.679.918
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	271.351.389	207.065.234
Cộng	272.536.652	221.745.152

3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	22.850.884	35.532.940
Hàng hóa	27.853.166	67.605.350
Cộng	50.704.050	103.138.290

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	23.844.899.344	1.993.631.693	949.009.123	26.787.540.160
Mua trong năm	-	2.690.340.000	30.540.000	2.720.880.000
Số dư cuối năm	23.844.899.344	4.683.971.693	979.549.123	29.508.420.160
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	21.882.494.781	1.993.631.693	200.600.000	24.076.726.474
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	22.612.606.246	1.848.071.280	518.988.334	24.979.665.860
Khấu hao trong năm	508.515.643	397.157.022	210.439.265	1.116.111.930
Số dư cuối năm	23.121.121.889	2.245.228.302	729.427.599	26.095.777.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	1.232.293.098	145.560.413	430.020.789	1.807.874.300
Tại ngày cuối năm	723.777.455	2.438.743.391	250.121.524	3.412.642.370
<i>Trong đó:</i>				
Tài sản dùng để cầm cố, thế chấp	-	-	-	-
Tài sản tạm thời không được sử dụng	-	-	-	-
Tài sản đang chờ thanh lý	-	-	-	-

5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	52.859.000	52.859.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	52.859.000	52.859.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	52.859.000	52.859.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	52.859.000	52.859.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)
(Đơn vị tính: VND)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình bến xe Diễn Châu	27.892.182	27.892.182
Công trình bến xe Nam Vinh	22.910.602.991	20.369.545.719
Công trình bến xe Bắc Vinh	14.843.950.947	11.515.306.546
Dự án khác	1.131.589.943	-
Cộng	38.914.036.063	31.912.744.447

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	7.391.116.044	8.127.053.044
Công cụ, dụng cụ	578.940.568	2.299.685.712
Chi phí sửa chữa các bến xe	694.056.932	-
Cộng	8.664.113.544	10.426.738.756

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	349.488.998	417.771.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.285.873.514	2.057.259.465
Thuế thu nhập cá nhân	135.036.290	36.823.616
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	15.567.647	39.815.897
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.805.900	12.666.037
Cộng	2.797.772.349	2.564.336.447

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	11.392.650	3.355.620
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	677.000.000	318.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	755.067.909	490.939.909
Phải trả cổ tức năm 2013	7.883.000.000	-
Cộng	9.326.460.559	812.295.529

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE NGHỆ AN
Số 77 - Đường Lê Lợi
Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)

10. Vốn chủ sở hữu

(Đơn vị tính: VND)

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC							
Số dư đầu năm	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	21.944.997.180	2.054.407.786	21.465.226.893	81.407.306.807
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	24.425.590.488	24.425.590.488
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	10.535.367.569	420.074.093	-	10.955.441.662
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(21.465.226.893)	(21.465.226.893)
Số dư cuối năm	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	32.480.364.749	2.474.481.879	24.425.590.488	95.323.112.064
NĂM NAY							
Số dư đầu năm	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	32.480.364.749	2.474.481.879	24.425.590.488	95.323.112.064
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	24.798.998.901	24.798.998.901
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	13.434.074.768	488.511.810	-	13.922.586.578
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(23.148.994.054)	(23.148.994.054)
Giảm khác (**)	-	-	-	-	-	(208.983.402)	(208.983.402)
Số dư cuối năm	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	45.914.439.517	2.962.993.689	25.866.611.933	110.686.720.087



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)
(Đơn vị tính: VND)

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 324/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 12 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Số tiền
(1) Lợi nhuận sau thuế năm 2013	24.425.590.488
(2) Tổng lợi nhuận được phân phối	24.425.590.488
Trong đó:	
- Trích lập các quỹ	15.265.994.054
+ Quỹ dự phòng tài chính 2% * (2)	488.511.810
+ Quỹ đầu tư phát triển 55% * (2)	13.434.074.768
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi 4% * (2)	977.023.619
+ Quỹ khen thưởng Ban điều hành 1,5% * (2)	366.383.857
- Lợi nhuận 2013 trả cổ tức (20% * Vốn điều lệ)	7.883.000.000
Tổng lợi nhuận đã phân phối	23.148.994.054
Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.276.596.434

(**) Công ty dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại của năm 2013 để nộp các khoản vi phạm về thuế qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế các năm 2011, 2012, 2013 theo Quyết định số 2266/QĐ-CT ngày 04/11/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An. Việc dùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối này Ban Giám đốc dự kiến sẽ trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua vào kỳ đại hội tới.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ (%)	Đầu năm	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	-	-	12.735.000.000	40,39
- Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (*)	-	-	12.735.000.000	40,39
Vốn góp của các đối tượng khác	31.532.000.000	100,00	18.797.000.000	59,61
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Vũ Hoàng	6.293.000.000	19,96	5.000.000.000	15,86
- Công ty CP Khoáng sản Bắc Cạn	1.892.000.000	6,00	-	-
- Ông Phạm Quốc Tuấn	10.843.000.000	34,39	-	-
- Ông Vũ Hoàng Huỳnh	4.436.000.000	14,07	4.436.000.000	14,07
- Cổ đông khác	8.068.000.000	25,59	9.361.000.000	29,69
Cộng	31.532.000.000	100,00	31.532.000.000	100,00

(*) Ngày 09/12/2014, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã hoàn thành việc bán toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An cho nhà đầu tư.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31.532.000.000	31.532.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	31.532.000.000	31.532.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trên lợi nhuận năm trước	7.883.000.000	9.459.600.000
Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

JYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - L

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
(Đơn vị tính: VND)

Cổ phiếu

	Cuối năm <i>Cổ phiếu</i>	Đầu năm <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.153.200	3.153.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.077.621.605	57.133.251.061
Chi tiết		
Doanh thu cung cấp dịch vụ từ các bên	58.534.181.785	56.381.463.516
Doanh thu cung cấp dịch vụ từ nhà hàng	2.543.439.820	751.787.551
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	61.077.621.605	57.133.251.061
Trong đó:		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	61.077.621.605	57.133.251.061

Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp từ các bên	19.797.158.022	17.989.409.016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp từ nhà hàng	2.119.361.121	579.986.645
Cộng	21.916.519.143	18.569.395.661

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp)
(Đơn vị tính: VND)

d) Cổ phiếu

	Cuối năm <i>Cổ phiếu</i>	Đầu năm <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.153.200	3.153.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.077.621.605	57.133.251.061
Chi tiết		
Doanh thu cung cấp dịch vụ từ các bên	58.534.181.785	56.381.463.510
Doanh thu cung cấp dịch vụ từ nhà hàng	2.543.439.820	751.787.551
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	61.077.621.605	57.133.251.061
Trong đó:		
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	61.077.621.605	57.133.251.061

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp từ các bên	19.797.158.022	17.989.409.016
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp từ nhà hàng	2.119.361.121	579.986.649
Cộng	21.916.519.143	18.569.395.665

1082
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 BẾN XE NGHỆ AN
 THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.532.084.899	3.514.212.031
Cộng	3.532.084.899	3.514.212.031

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.1. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

4.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	32.151.942.555	32.686.866.085
Điều chỉnh tăng	1.485.998.303	358.236.303
Các khoản phạt	31.321	907.379
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	384.000.000	357.328.924
Khấu hao xe ô tô vượt nguyên giá 1,6 tỷ đồng	101.966.982	-
Ứng hộ xây dựng khu di tích Trường Bồn	1.000.000.000	-
Điều chỉnh giảm	215.469.700	-
(Phân bổ chi phí theo quyết định của Thanh tra thuế số 2266/QĐ-CT ngày 04/11/2014 của Cục thuế Nghệ An)	215.469.700	-
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	33.422.471.158	33.045.102.388
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	33.422.471.158	33.045.102.388
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.532.943.654	8.261.275.597

5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.927.068.983	789.691.658
Chi phí công cụ dụng cụ	810.371.437	738.930.146
Chi phí nhân công	16.322.024.976	14.997.645.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.116.111.930	1.548.848.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.694.556.749	1.581.120.602
Chi phí khác	10.587.598.553	8.453.515.950
Cộng	32.457.732.628	28.109.752.005

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	24.798.998.901	24.425.590.488
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.798.998.901	24.425.590.488
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.153.200	3.153.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.865	7.746

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Thông tin chung về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ/Chức vụ
Ông Vũ Phi Hồ	Hội Đồng Quản trị	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Thành	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thanh	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Hoàng Huỳnh	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Đức Thắng	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Hội Đồng Quản trị	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Ban Giám đốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Bích	Ban Kiểm soát	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lương Khắc Thanh	Ban Kiểm soát	Thành viên
Bà Thái Thị Thùy Trang	Ban Kiểm soát	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chi	Ban Kiểm soát	Thành viên

1.2 Các nghiệp vụ với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh với các bên liên quan trong năm chủ yếu là thanh toán tạm ứng, trả lương, thưởng và thù lao.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty không còn số dư với các bên liên quan.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.074.314.101	1.369.831.320

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công ty không có chi nhánh, do đó chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động dịch vụ từ các bên	Hoạt động dịch vụ nhà hàng	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	58.534.181.785	2.497.238.008	61.031.419.793
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	-	46.201.812	46.201.812
Khấu hao và chi phí phân bổ	19.797.158.022	2.119.361.121	21.916.519.143
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	38.737.023.763	424.078.699	39.161.102.462
TÀI SẢN			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	5.929.790.192	-	5.929.790.192
Tài sản bộ phận	122.321.650.698	391.796.728	122.713.447.426
Tài sản không phân bổ	-	-	3.865.739.502
Tổng tài sản	122.321.650.698	391.796.728	126.579.186.928
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận	5.464.865.448	-	5.464.865.448
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	10.427.601.393
Tổng nợ phải trả	5.464.865.448	-	15.892.466.841

5. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

5.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.717.656.666	55.161.486.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.536.652	221.745.152
Cộng	73.990.193.318	55.383.231.242
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.352.805.060	970.350.929
Cộng	9.352.805.060	970.350.929

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

5.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

5.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

5.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

5.3.2. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

5.3.3. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

62-01
Y TNH
O AN
JHY-
HAN
TRUN
NGH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp)

(Đơn vị tính: VND)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phải sinh và tài sản tài chính phi phải sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH				
Số dư cuối năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.352.805.060	-	-	9.352.805.060
Cộng	9.352.805.060	-	-	9.352.805.060
Số dư đầu năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	970.350.929	-	-	970.350.929
Cộng	970.350.929	-	-	970.350.929
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Số dư cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.717.656.666	-	-	73.717.656.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.536.652	-	-	272.536.652
Cộng	73.990.193.318	-	-	73.990.193.318
Số dư đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.161.486.090	-	-	55.161.486.090
Phải thu khách hàng và phải thu khác	221.745.152	-	-	221.745.152
Cộng	55.383.231.242	-	-	55.383.231.242



6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung).

Linh

Nguyễn Thị Thùy Linh
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Giang

Nguyễn Thanh Giang
Kế toán trưởng



Trần Minh Thành
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Ngày 23 tháng 3 năm 2015

**TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch**

Vũ Phi Hồ